

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung;
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 416/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: Số C, ấp F, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Nhà trọ Lê Thị B, số I, đường N, Tổ G, khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cước công dân: 079181021148, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh S, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Số C, ấp F, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Nhà trọ Lê Thị B, số I, đường N, Tổ G, khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cước công dân: 074083009443, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2025 và quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị Thu N là nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Trần Minh S kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh). Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn bà Nguyễn Thị Thu N và ông Trần Minh S sinh sống tại số C, ấp F, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh được một thời gian thì chuyển đến Bình Dương sinh sống và làm việc. Khi đến Bình Dương, bà N và ông S tạm trú tại Nhà trọ Lê Thị B, số I, đường N, Tổ G, khu phố T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N và ông S phát sinh mâu thuẫn được 05 năm do ông S không lo làm ăn, có người phụ nữ khác, vợ chồng không còn tiếng nói chung, hai vợ chồng sống cùng nhà trọ nhưng không ở cùng một phòng. Bà N và ông S đã nhiều lần cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Khi bà N làm đơn ly hôn, ông S biết nhưng không đến Tòa án làm việc, nói bà N muốn ly hôn thì làm đơn ông S sẽ không đến Tòa án. Bà N xác định không còn tình cảm với ông S và vợ chồng không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Minh S.

Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Trần Minh S có 03 con chung tên Trần Nhật T, sinh ngày 02/8/2007 (đã thành niên); Trần Minh S1, sinh ngày 21/12/2017 và Trần Minh N1, sinh ngày 03/4/2020. Hiện nay các con chung đang sinh sống cùng với bà N nên bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung chưa thành niên. Bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Trần Minh S nhưng ông S không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Trần Minh S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N và ông Trần Minh S về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 09/7/2025, bà Nguyễn Thị Thu N là nguyên đơn trong vụ án có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn ông Trần Minh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông S vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Thu N và ông Trần Minh S tự nguyện kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 260, quyển số 2/2003 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân xã T nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông S không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn, bà N xác định không còn tình cảm và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông S. Bị đơn ông Trần Minh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, đã thể hiện ông S không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

[2.3] Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Thu N và ông Trần Minh S đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu N đối với ông Trần Minh S là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Thu N và ông Trần Minh S có 03 con chung tên Trần Nhật T, sinh ngày 02/8/2007; Trần Minh S1, sinh ngày 21/12/2017 và Trần Minh N1, sinh ngày 03/4/2020. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Trần Minh S1, và Trần Minh N1. Xét thấy, cháu S1 và cháu N1 đang sống cùng với bà N. Quá trình giải quyết, cháu S1 có nguyện vọng được sống với mẹ. Do vậy, để đảm bảo ổn định về chỗ ở và học tập cho các cháu, việc giao cháu S1 và cháu N1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc là chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Cháu **Trần Nhật T** đã đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Thu N** đối với bị đơn ông **Trần Minh S** về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Thu N** được ly hôn với ông **Trần Minh S**.

- Về con chung: Giao cháu **Trần Minh S1**, sinh ngày 21/12/2017 và cháu **Trần Minh N1**, sinh ngày 03/4/2020 cho bà **Nguyễn Thị Thu N** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Cháu **Trần Nhật T**, sinh ngày 02/8/2007 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

- Về vấn đề cấp dưỡng con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà **Nguyễn Thị Thu N** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030826 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15 – TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- UBND X. Đồng Thạnh – TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga

